

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 172/2024/HS-ST
Ngày 11 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH T**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Mỹ Linh;
Ông Nguyễn Duy Tuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố T, tỉnh T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh T tham gia phiên tòa:
Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 191/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 191/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn L - sinh năm 1995 tại T; Nơi cư trú: xã P, thị xã S, tỉnh T; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị H1; bị cáo có vợ là Thị C và 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa

- Bị hại: Anh Hoàng Văn H – sinh năm 2000 (vắng mặt);

Nơi ĐKKHKT: Thôn S, xã C, huyện N, tỉnh T

Nơi ở hiện nay: Số 13/205 Đ, phường G, thành phố T, tỉnh T.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Như S – sinh năm 1989 (vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, thị xã S, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/7/2023, Nguyễn Văn L đến phòng trọ của anh Hoàng Văn H (là anh họ của L) tại địa chỉ 13/205 Đình Hương, phường Đ Cương, thành phố T để ở cùng. Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2023, L một mình đi bộ về phòng trọ thì thấy anh H đang ngủ, trên bàn kê ở đầu giường có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 128 Gb màu xanh nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Do biết sân khu nhà trọ có camera giám sát nên L ra ngoài sân lấy áo phoi ở sân để che camera giám sát sau đó vào phòng lấy điện thoại của anh H cất giấu vào trong người. Đến khoảng hơn 4 giờ sáng cùng ngày, khi thấy mọi người trong khu trọ đi ngủ hết thì L rời đi, mang theo máy điện thoại trộm cắp được đến cửa hàng điện thoại di động S Mobile của anh Nguyễn Như S địa chỉ ở Quốc lộ 1A, phường H, thị xã S, tỉnh T để bán điện thoại. Khi bán L nói máy của mình bị mất mật khẩu Icloud nên bán, anh S đồng ý mua với giá 4.000.000 đồng. Số tiền này L đã chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 21/01/2024 biết không che giấu được hành vi nên L đã đến Cơ quan Công an thành phố để đầu thú.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 103/KL-HĐĐGTS ngày 11/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố T kết luận:

“01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 128Gb đã qua sử dụng trị giá 15.800.000 đồng.”

Đối với anh Nguyễn Như S là người mua điện thoại của Nguyễn Văn L nhưng anh S không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do đó không có căn cứ để xử lý đối với anh S.

Về xử lý vật chứng: + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax 128Gb, sau khi anh S mua đã tháo phụ kiện để bán nên không thu giữ được vật chứng.

+ Số tiền anh S bán phụ kiện điện thoại được tổng 6.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch do bán phụ kiện là 2.000.000 đồng, anh S đã giao nộp và đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T chờ xử lý theo quy định.

Về phần dân sự: Bị hại đã được bị cáo bồi thường số tiền 13.500.000 đồng và không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

Cáo trạng số 26/Ctr-VKSTPTH ngày 06/02/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, đã truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố T, tỉnh T vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo L từ 08 đến 10 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về bồi thường dân sự: Công nhận phần bồi thường bị cáo và bị hại đã thực hiện xong.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu xung quỹ nhà nước số tiền 2.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác phản ánh trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 02 giờ ngày 21/7/2023, Nguyễn Văn L đã lợi dụng sơ hở lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax 128 Gb, màu xanh của anh Hoàng Văn H. Giá trị tài sản chiếm đoạt là 15.800.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố T truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo:

Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra: Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội.

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú và tự nguyện khắc phục hậu quả; đồng thời bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do đó cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cho bị cáo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú là đủ, tạo điều kiện để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà nghiêm túc cải sửa, trở thành công dân tốt.

[4] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: + 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 promax 128Gb, sau khi anh S mua đã tháo phụ kiện để bán nên không thu giữ được vật chứng, do đó không có cơ sở để xử lý.

+ Đối với số tiền chênh lệch do bán phụ kiện là 2.000.000 đồng, anh S đã giao nộp, đây là số tiền thu lời do bán điện thoại di động của bị hại mà có. Do đó căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 13.500.000 đồng cho bị hại. Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm. Do đó cần công nhận phần bồi thường giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Nguyễn Văn L 08 (tám) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 (mười sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, thị xã S, tỉnh T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng chẵn). Số tiền trên đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố T theo Biên lai thu tiền số 0000645 ngày 11/3/2024 giữa Công an thành phố T và Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận phần bồi thường giữa bị cáo và bị hại đã giải quyết xong.

Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND tỉnh T;
- VKSND TP. T;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- Sở Tư pháp tỉnh T;
- Bị cáo;
- Bị hại, người có qlnvq;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Linh